

Bản án số: 158/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 6 - 2018
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lù Văn Quý;
2. Ông Nguyễn Văn Bận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Mai Chi - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2018/QĐST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quàng Thị H, sinh ngày 22/9/1992; nơi cư trú: Bản L, xã H, thành phố S, tỉnh S. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lù Văn S, sinh ngày 20/10/1988; nơi cư trú: Bản P, xã Chiềng N, thành phố S, tỉnh S, hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam Y, huyện P, tỉnh S theo bản án số 90/HSST ngày 13/06/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La; Quyết định thi hành án số 110/QĐ-CA ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, tại phiên tòa, nguyên đơn chị Quàng Thị H trình bày:

Về tình cảm: Chị Quảng Thị H và anh Lù Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố S, tỉnh S vào ngày 29/10/2012. Kể từ khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S chơi bời, phá phách, tài sản trong gia đình có giá trị anh S bán hết để tiêu sài. Do mâu thuẫn, nên khoảng tháng 11 năm 2015 chị H cùng con gái Lù Quỳnh C đã chuyển về sống với bố mẹ đẻ của chị H ở bản L, xã H, thành phố S, tỉnh S. Đến tháng 6 năm 2017 anh S bị kết án 5 năm 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, hiện đang cải tạo tại Trại giam Y, huyện P, S. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị H anh S có 01 con chung là cháu Lù Quỳnh C, sinh ngày 16/10/2013. Hiện cháu C đang ở với chị H tại bản L, xã H, thành phố S. Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, do anh S đang đi cải tạo và cũng không có nghề nghiệp.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lù Văn S, hiện đang chấp hành án tại đội 16, phân trại số 2, Trại giam Y, huyện P, tỉnh S. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai anh S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị H như chị H trình bày là đúng, anh S đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh S đề nghị giao cháu Lù Quỳnh C cho bố mẹ anh S nuôi dưỡng và chăm sóc, khi nào anh S chấp hành án xong anh S sẽ trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu C. Yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết; Về nợ chung: Anh S khai có 01 khoản nợ chung là vay Ngân hàng Chính sách xã hội 8.000.000 đồng từ năm 2012, đề nghị chị H phải chịu $\frac{1}{2}$ khoản nợ này. Nhưng sau đó anh S thay đổi ý kiến, anh S xác định đây là khoản nợ riêng, không liên quan đến chị H, do anh S đi cải tạo nên không rõ mẹ và chị dâu anh S đã trả hết khoản nợ này chưa. Do đó không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại công văn số 76/CV-NHCS ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Sơn La xác nhận: Anh Lù Văn S, trú tại bản P, xã C, thành phố S, đứng tên vay vốn thông qua tổ TK&VV do ông Lù Văn T làm tổ trưởng, số tiền vay 8.000.000 đồng, mã món vay 6000001600124137 ngày vay 21/12/2012 đã trả hết nợ vào ngày 06/01/2018. Hiện tại Chị Quảng Thị H và anh Lù Văn S không còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh S.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử

đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 95 đến 98, Điều 171, Điều 175, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; Về đường lối giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Giao cháu Lù Quỳnh C cho chị H trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Quàng Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lù Văn S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản P, xã Chiềng N, thành phố S, tỉnh S. Tòa án nhân dân thành phố Sơn La thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Lù Văn S hiện đang chấp hành án tại phân trại số 2, Trại giam Y, huyện P, tỉnh S, theo bản án hình sự sơ thẩm 90/2017/HS-ST, ngày 13/06/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Ban Giám thị trại giam Y, huyện P, tỉnh S đã thực hiện đầy đủ các thủ tục với anh S: Giải thích pháp luật; Giao toàn bộ tài liệu chứng cứ của chị H cung cấp tại Tòa án; cho anh S viết bản tự khai, lấy lời khai của anh S; anh S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh S. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Lù Văn S.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị H và anh Lù Văn S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố S, tỉnh S trên cơ sở tự nguyện. Như vậy hôn nhân giữa chị Quàng Thị H và anh Lù Văn S là hợp pháp. Chị H và anh S đều có lời khai thống nhất về tình trạng hôn nhân, kể từ khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng chị H anh S hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S chơi bời, phá phách, tài sản trong gia đình có giá trị anh S bán hết để tiêu sài. Hiện tại anh S đang phải thi hành án phạt tù tại Trại giam Y, huyện P, tỉnh S. Kết quả xác minh tại địa phương nơi vợ chồng chị H anh S sinh sống, ông Lù Văn Đ là bố đẻ của anh Lù Văn S có lời khai xác nhận phù hợp với lời khai của chị H: Chị H và anh S quá trình chung sống thường xuyên mâu thuẫn và không còn sống chung từ khoảng tháng 11 năm 2015. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn, anh S cũng nhất trí, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Anh Lù Văn S không có nghề nghiệp, hiện nay đang chấp hành án, do đó không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con. Chị Quàng Thị H đã đưa con về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở bản L, xã H, thành phố S, tỉnh S. Ông Lù Văn Đ là bố đẻ của anh Lù Văn S cũng đề nghị giao cháu Lù Quỳnh C cho mẹ cháu là chị H nuôi dưỡng. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu

Lù Quỳnh C, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị H, giao cháu Lù Quỳnh C, sinh ngày 16/10/2013 cho chị Quàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu anh Lù Văn S cấp dưỡng nuôi con, theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị Quàng Thị H và anh Lù Văn S đều xác nhận không có tài sản chung, riêng và không có nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết. Lời khai của chị H và anh S phù hợp với kết quả xác minh: Tại công văn số 76/CV-NHCS ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Sơn La xác nhận: Hiện tại Chị Quàng Thị H và anh Lù Văn S không còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Sơn La. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Quàng Thị H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quàng Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị H được ly hôn anh Lù Văn S.

2. Con chung:

- Giao cháu Lù Quỳnh C, sinh ngày 16/10/2013 cho chị Quàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Lù Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về án phí: Chị Quàng Thị H tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, đ- ọc trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0000407 ngày 01/01/2018 của Chi cục thi hành án thành phố Sơn La.

Về kháng cáo: Chị Quàng Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/6/2018); anh Lù Văn Sơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP Sơn La(2);
- THA TP Sơn la;
- Các đ- ơng sự;
- Ủy ban nhân dân xã Hua La, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;
- L- u án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
Đã ký

Lại Thị Hiếu